

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 06 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: - Bộ Y tế;

- Cục Quản lý Khám chữa bệnh – Bộ Y tế.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Đa Khoa TTH Hà Tĩnh

Số giấy phép hoạt động: 301/BYT – GPHĐ. Cơ quan cấp: Bộ Y tế ngày 19 tháng 05 năm 2021.

Địa chỉ: Số 01, đường Ngô Quyền, xã Thạch Trung, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn : Bác sỹ Võ Hoài Nam

Điện thoại liên hệ: 0989785865 Email: pgdcm3.ht1@tthgroup.vn

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ Y khoa;

- Bác sỹ chuyên khoa (Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu, Gây mê hồi sức, Răng hàm mặt, Tai mũi họng, Da liễu, Mắt, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Vi sinh, Ung bướu)

- Điều dưỡng;

- Kỹ thuật Y (Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng)

- Hộ sinh

- Y sỹ (Y sỹ Y học cổ truyền)

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: 200 người (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

5. Chi phí hướng dẫn thực hành :

- Đối với Bác sỹ, Y sỹ, Điều dưỡng, hộ sinh, Kỹ thuật y công tác tại Bệnh viện đa khoa TTH Hà Tĩnh: Không thu lệ phí thực hành

- Đối với với Bác sỹ ngoài đơn vị: Thu lệ phí 6 triệu/tháng x số tháng thực hành

- Đối với Y sỹ, Điều dưỡng, hộ sinh, Kỹ thuật y ngoài đơn vị: Thu lệ phí 2 triệu/tháng x số tháng thực hành

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, Công bố thông tin theo quy định./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu : VT, PNL, PKHTH



Võ Hoài Nam

KẾ HOẠCH
ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TTH HÀ TĨNH

(Ban hành kèm theo ban công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở
hướng dẫn thực hành Số: 80/TTH-HL ngày 18 tháng 06 năm 2024)

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2013;
Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc
quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Bệnh viện Đa khoa TTH Hà Tĩnh lập kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa
bệnh đối với các học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khoẻ như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Học viên sau quá trình thực hành sẽ có khả năng thực hiện các kỹ
thuật khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh và kê đơn thuộc một cách chủ động,
an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể: Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định
tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định
chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai: Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa TTH Hà
Tĩnh

2. Thời gian thực hiện: Cả năm

3. Đối tượng: Học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khoẻ chưa trải qua thời
gian thực hành có nhu cầu thực hành để cấp Giấy phép hành nghề.

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Hướng dẫn về các văn bản quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh:

a. **Nội dung:** (mỗi nội dung 2-4 giờ tín chỉ)

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế tổ chức, quản lý Bệnh viện.

b. **Hình thức:** Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng

2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng

**2.1 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là
bác sĩ Y khoa:**

a. **Thời điểm và thời gian thực hành:**

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 3 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng: Trong đó thực hành tại khoa Nội 2 tháng (trong đó 1 tháng tại Khoa Nội 1, 1 tháng tại Khoa Nội 2), khoa Ngoại 2 tháng (trong đó 1 tháng tại khoa Ngoại TH, 1 tháng tại Khoa chấn thương chỉnh hình), khoa Nhi 1 tháng, khoa Sản 1 tháng, khoa Tai mũi họng: 0.5 tháng, khoa Răng Hàm Mặt: 0.5 tháng, khoa Mắt: 0.5 tháng; khoa Da liễu: 0.5 tháng, khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng: 1 tháng).

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.2 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Nội khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 3 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Nội 1 và Khoa Nội 2.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục II phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.3 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Ngoại khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 3 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Ngoại gồm Ngoại tổng hợp và Ngoại chấn thương chỉnh hình.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại.

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XIX phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.4 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Sản khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 3 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Phụ sản.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.5 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Nhi khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 3 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Nhi.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục III phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.6 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ y học cổ truyền:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 3 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa y dược cổ truyền – phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.7 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Răng hàm mặt:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 3 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Răng – Hàm – Mặt.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.8 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Y học dự phòng:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 3 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng: Trong đó thực hành tại khoa Nội 2 tháng (trong đó 1 tháng tại Khoa Nội 1, 1 tháng tại Khoa Nội 2), khoa Ngoại 1 tháng (trong đó 0.5 tháng tại khoa Ngoại TH, 0.5 tháng tại Khoa chấn thương chỉnh hình), khoa Nhi 1 tháng, khoa Sản 1 tháng, khoa Tai mũi họng: 0.5 tháng, khoa Răng

NH BEA
H VIỆT
KHOA
PTH
. TỈNH
0020897
C * HW

Hàm Mắt: 0.5 tháng, khoa Mắt: 0.5 tháng, khoa Da liễu: 0.5 tháng, khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng: 1 tháng, Khoa Khám bệnh: 01 tháng)

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học dự phòng.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.9 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Điều dưỡng đa khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 1 tháng; Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 1 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng (trong đó thực hành tại khoa Nội tổng hợp: 2 tháng, khoa Ngoại: 1 tháng, khoa Nhi: 1 tháng, Khoa phụ sản: 1 tháng).

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục lục I, II phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.10 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Xét nghiệm y học:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 1 tháng; Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 1 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng (trong đó thực hành tại khoa Xét nghiệm- Giải phẫu bệnh: 5 tháng).

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục lục II phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.11 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hình ảnh y học:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 1 tháng; Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 1 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng.

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục lục I phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.12 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Phục hồi chức năng:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 1 tháng; Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 1 tháng.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục lục III phụ lục XIV, Thông tư 32/2023 TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.13 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hộ sinh:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 1 tháng: Thực hành tại Khoa HSCC-TNT 1 tháng.

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Phụ sản.

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XIII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Người chịu trách nhiệm đào tạo: Giám đốc chuyên môn Bệnh viện

- Chịu trách nhiệm trong toàn bộ quá trình đào tạo và kết quả đào tạo tại Bệnh viện (trách nhiệm chung).
- Phê duyệt kế hoạch đào tạo và chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch.
- Quyết định phân công, chỉ đạo cá nhân hoặc bộ phận làm quản lý đào tạo.
- Xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định.

2. Phòng nhân lực:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành trình Lãnh đạo bệnh viện phê duyệt.
- Phối hợp các trưởng/phó khoa liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể cho khoá đào tạo.
- Điều phối hoạt động đào tạo thực hành.
- Đánh giá mức độ hoàn thành cuối kỳ của học viên.
- Phối hợp với các trưởng khoa đề xuất việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung đào tạo phương thức tổ chức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế, trình Giám đốc phê duyệt.
- Chịu trách nhiệm báo cáo đánh giá kế hoạch đào tạo định kỳ và đột xuất của bệnh viện.
- Lập danh sách học viên đăng ký thực hành tại Bệnh viện và người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện.
- Thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo mẫu 07 Phụ lục I của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.



3. Phòng MKT:

- Đăng tải công khai Kế hoạch hướng dẫn thực hành trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện.

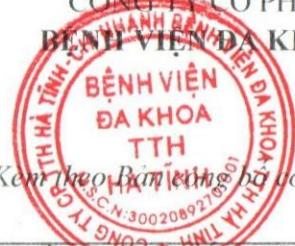
4. Các khoa, phòng chịu trách nhiệm đào tạo tại khoa: Các trưởng, phó khoa liên quan.

- Tổ chức đào tạo và đánh giá đào tạo tại khoa.
- Trực tiếp tham gia hướng dẫn cho học viên.
- Đánh giá mức độ hoàn thành của học viên.

5. Nhiệm vụ của học viên

- Tham gia thực hành đủ thời gian như quy định.
- Nghiêm túc tuân thủ các quy định của Bệnh viện, học tập, thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của người được phân công phụ trách hướng dẫn thực hành.
- Chủ động, tích cực học tập, thực hành theo chương trình đào tạo để đạt các chuẩn năng lực theo quy định.
- Tích cực đưa ý kiến phản hồi để hoàn thiện kỹ năng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Thực hiện theo quy chế của Bệnh viện và kinh phí theo kế hoạch riêng.



PHỤ LỤC I
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kem theo Danh sách bao gồm số khai báo cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành Số: 07/TH-HC của BV đa khoa TTH Hà Tĩnh ngày 06 tháng 06 năm 2014)

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
I. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nội						
1	Phạm Xuân Anh	Tiến sỹ, Bác sỹ	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Nội tim mạch	0002379/HT-CCHN	11/04/2014	
2	Hà Thanh Sơn	Bác sỹ Chuyên khoa cấp II	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội	0002131/HT-CCHN	31/12/2013	
3	Lê Thị Hương Ly	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám chữa bệnh nội khoa	002945/NA-CCHN	28/02/2014	
4	Tống Phong Vũ	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	0003674/HT-CCHN	29/12/2015	
5	Nguyễn Công Chung	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám chữa bệnh nội khoa	009096/NA-CCHN	15/04/2017	
6	Phan Đình Đông	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	0001999/HT-CCHN	31/12/2013	
7	Nguyễn Xuân Bảo	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám, chữa bệnh nội khoa - Chuyên khoa Truyền nhiễm	000255/HT-CCHN	26/11/2012	
8	Nguyễn Thanh Hậu	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	008541/QNA-CCHN	05/03/2021	
9	Nguyễn Quang Tân	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Nội	0000739/HT-CCHN	01/12/2013	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
10	Nguyễn Phi Thành	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	001339/HT-CCHN	14/02/2023	Cấp thay đổi lần thứ 1
11	Lê Phi Hùng	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	003299/TH-CCHN	26/05/2013	
12	Trần Thị Hoa Mai	Thạc sỹ, bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	004882/HT-CCHN	19/06/2017	
13	Trương Văn Quý	Bác sỹ	Khám chữa bệnh nội khoa	012662/NA-CCHN	15/05/2020	

II. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Ngoại

1	Nguyễn Trọng Đoàn	Thạc sỹ, bác sỹ	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tiêu hóa	0001111/HT-CCHN	31/12/2013	
2	Nguyễn Văn Trường	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	0004088/HT-CCHN	29/01/2016	
3	Đặng Thái Bảo	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám chữa bệnh Ngoại khoa, Quyết định số 1079/QĐ-SYT ngày 30/09/2022 Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Phẫu thuật tạo hình	011630/NA-CCHN	15/05/2019	
4	Nguyễn Quang	Thạc sỹ, bác sỹ	Khám chữa bệnh Ngoại khoa	000188/HT-CCHN	8/7/2013	
5	Đậu Đức Thảo	Thạc sỹ, bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa	005823/HT-CCHN	26/06/2019	
6	Phan Duy Dán	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa	0004412/HT-CCHN	15/06/2016	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
-----	-----------	---------------------	------------------------------	---------	---------------	---------

III. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Sản

1	Nguyễn Văn Hải	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Sản - phụ	000392/HT-CCHN	17/05/2013	
2	Thân Văn Đại	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	041661/HCM-CCHN	26/03/2018	
3	Võ Thị Oanh	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản	0002879/HT-CCHN	06/09/2015	
4	Phan Thị Quỳnh Anh	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Quyết định số 1070/QĐ-SYT bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	005728/HT-CCHN	24/05/2019	
5	Nguyễn Văn Diệu	Thạc sỹ, bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh sản khoa	0001180/HT-CCHN	30/12/2013	
6	Phan Thị Hoa	Thạc sỹ, bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh sản khoa	006312/HT-CCHN	07/10/2020	

IV. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nhi

1	Mai Thị Lệ Quyên	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	0004260/HT-CCHN	07/03/2016	
2	Lê Hữu Anh	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	000002/HT-CCHN	21/03/2012	
3	Thái Gia Nguyên	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội nhi	007450/NA-CCHN	31/01/2016	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
4	Vương Thị Hồng	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám, chữa chuyên khoa Nhi	000309/HT-CCHN	05/01/2013	

V. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu

1	Võ Hoài Nam	Bác sỹ Chuyên khoa cấp II	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Nội; Quyết định số 1092/QĐ-SYT ngày 30/11/2023 bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu	0001253/HT-CCHN	31/12/2013	
2	Mai Văn Lực	Bác sỹ Chuyên khoa cấp II	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Nội; Quyết định số 29/QĐ-SYT ngày 15/01/2021 bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu	0001242/HT-CCHN	31/12/2013	
3	Trần Đình Trung	Thạc sỹ, bác sỹ	KCB Nội khoa, Quyết định số 243/QĐ-SYT ngày 26/02/2021 bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Khám bệnh, chữa bệnh hồi sức cấp cứu và chống độc	0003671/HT-CCHN	29/12/2015	

VI. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Gây mê hồi sức

1	Ngô Đức Lộc	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê - Hồi sức	0004327/HT-CCHN	29/04/2016	
---	-------------	--------------------------	---	-----------------	------------	--

VII. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Răng hàm mặt

1	Trần Đức Hải	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám chữa bệnh Răng-Hàm-Mặt	000956/NA-CCHN	30/08/2013	
---	--------------	--------------------------	-----------------------------	----------------	------------	--

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
2	Lê Ngọc Báu	Bác sỹ	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	013042/NA-CCHN	12/09/2020	

VIII. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Tai mũi họng

1	Võ Thị Bằng	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	0002843/HT-CCHN	22/07/2015	
2	Bùi Đình Nam	Bác sỹ	Khám chữa bệnh Đa khoa, Quyết định số 1003/QĐ-SYT ngày 06/09/2019 bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	000127/HT-CCHN	04/05/2018	

IX. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Da liễu

1	Trương Xuân Bắc	Bác sỹ	Khám chữa bệnh chuyên khoa da liễu	012251/NA-CCHN	30/12/2019	
---	-----------------	--------	------------------------------------	----------------	------------	--

X. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Mắt

1	Nguyễn Văn Khang	Thạc sỹ, bác sỹ	Khám chữa bệnh về Mắt	000316/NA-CCHN	29/03/2013	
---	------------------	-----------------	-----------------------	----------------	------------	--

XI. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Y học cổ truyền

1	Nguyễn Thị Phượng	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	005044/HT-CCHN	24/10/2017	
2	Lê Thị Thanh Huyền	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	002630/HT-CCHN	14/03/2019	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
3	Lê Thị Huệ	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	012397/NA-CCHN	15/02/2020	
4	Nguyễn Văn Thiện	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	006991/NĐ-CCHN	05/01/2021	
5	Phan Thị Nhàn	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	005046/HT-CCHN	24/10/2017	
6	Mai Xuân Tuấn Hồng	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	006278/HT-CCHN	07/10/2020	
7	Phạm Ngọc Đàm	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	002462/HT-CCHN	25/01/2019	
8	Trần Quốc Ánh	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	005731/HT-CCHN	12/06/2019	
9	Lê Thị Kim Phượng	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	011555/NA-CCHN	27/04/2019	
10	Lê Kim Giang	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	0001020/HT-CCHN	03/12/2013	
11	Dương Đăng Hiền	Bác sỹ chuyên khoa cấp II	Khám chữa bệnh nội khoa, y học cổ truyền	0001086/HT-CCHN	09/12/2013	
12	Trần Thị Thao	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám chữa bệnh bằng YHCT	001740/ NA-CCHN	31/10/2013	
13	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Thạc sỹ, bác sỹ	Khám chữa bệnh bằng YHCT	001713/NA-CCHN	31/10/2013	
14	Trần Quốc Dũng	Bác sỹ	Khám, chữa bệnh Y học cổ truyền	000026/HT-CCHN	28/03/2012	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
15	Đoàn Thị Yến	Bác sỹ	Khám, chữa bệnh Y học cổ truyền	00002345/HT-CCHN	25/03/2014	
16	Lê Hữu Quỳnh	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	0001083/HT-CCHN	09/12/2013	
17	Phạm Văn Lộc	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Khám , chữa bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền	000367/HT-CCHN	04/04/2013	
18	Dương Đức Thịnh	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	001754/NA-CCHN	31/10/2013	

XII. Hướng dẫn thực hành Phục hồi chức năng

1	Nguyễn Đình Văn	Bác sỹ	Khám chữa bệnh phục hồi chức năng	000417/HT-CCHN	19/03/2012	
---	-----------------	--------	-----------------------------------	----------------	------------	--

XIII. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh

1	Trần Đình Tiến	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	0003676/HT-CCHN	29/12/2015	
---	----------------	--------------------------	--------------------------------	-----------------	------------	--

XIV. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Vi sinh

1	Phan Tài	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa vi sinh	008143/DNA-CCHN	19/06/2019	
---	----------	--------	--	-----------------	------------	--

XV. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Ung bướu

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
1	Phạm Phương Thanh	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa; Quyết định số 74/QĐ-SYT ngày 14/02/2023 bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	004656/HT-CCHN	11/11/2016	
2	Võ Văn Phúc	Bác sỹ Chuyên khoa cấp I	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ung Bướu-Nội khoa	004401/HT-CCHN	08/11/2022	Cấp lại lần thứ 1

XVI. Hướng dẫn thực hành Y sỹ y học cổ truyền

1	Phan Đình Hiếu	Y sỹ YHCT	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền	000041/HT-CCHN	26/04/2012	
2	Trần Hữu Quý	Y sỹ YHCT	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng	004451/HT-CCHN	17/05/2018	

XVII. Hướng dẫn thực hành kỹ thuật PHCN

2	Lô Thị Ánh Dương	CN Phục hồi chức năng	Thực hiện các kỹ thuật chuyên khoa Phục hồi chức năng	3725/BP-CCHN	26/10/2017	
---	------------------	-----------------------	---	--------------	------------	--

XVIII. Hướng dẫn thực hành Hình ảnh y học

1	Nguyễn Tiến Quốc	CN Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	006430/HT-CCHN	18/02/2021	
2	Nguyễn Văn Sơn	CĐ Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật viên chinh đoán hình ảnh	3935/BP-CCHN	08/05/2018	
3	Nguyễn Văn Dũng	CĐ Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ Thuật X quang	0001048/HY-CCHN	14/08/2013	
4	Nguyễn Đức Dũng	CĐ Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh CĐ	0001772/HT-CCHN	31/12/2013	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
5	Trần Văn Nam	CĐ Kỹ thuật hình ảnh y học	Chuyên khoa kỹ thuật X-Quang	003985/NA-CCHN	17/12/2017	

XIX. Hướng dẫn thực hành Xét nghiệm y học

1	Lê Anh Trâm	CN xét nghiệm y học	Chuyên khoa Xét nghiệm	007479/BD-CCHN	19/08/2019	
2	Lê Thị Hà	CĐ xét nghiệm y học	Kỹ Thuật Viên xét nghiệm cao đẳng	0002912/HT-CCHN	06/09/2015	
3	Trần Thị Giang	CĐ xét nghiệm y học	Kỹ thuật viên xét nghiệm	005805/HT-CCHN	26/06/2019	
4	Dương Thị Thu Phương	CĐ xét nghiệm y học	Kỹ thuật viên xét nghiệm	006174/HT-CCHN	06/08/2020	
5	Nguyễn Thị Lâm	CĐ xét nghiệm y học	Kỹ thuật viên xét nghiệm	006125/HT-CCHN	10/04/2020	
6	Nguyễn Thị Diệu Thúy	CĐ xét nghiệm y học	KTV Xét nghiệm	006173/HT-CCHN	08/06/2020	
7	Trần Lê Huyền	CĐ xét nghiệm y học	Kỹ thuật viên xét nghiệm	004969/HT-CCHN	17/07/2017	
8	Nguyễn Minh Thi	CĐ xét nghiệm y học	KTV Xét nghiệm	051017/HCM-CCHN	09/02/2021	
9	Lê Thị Mai	CN xét nghiệm y học	Chuyên khoa Xét nghiệm	048153/HCM-CCHN	25/03/2020	

XX. Hướng dẫn thực hành Hộ sinh

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Tâm	CĐ hộ sinh	Thực hiện nhiệm vụ Hộ sinh	005220/HT-CCHN	06/02/2018	
2	Nghiêm Thị Ngọc Diệp	CĐ hộ sinh	Thực hiện nhiệm vụ Hộ sinh	000490/HT-CCHN	27/06/2018	
3	Nguyễn Thị Mỹ	CĐ hộ sinh	Thực hiện nhiệm vụ Hộ sinh	005167/HT-CCHN	08/12/2017	
4	Đậu Thị Hằng	CĐ hộ sinh	Thực hiện nhiệm vụ hộ sinh	005747/HT-CCHN	18/06/2019	
5	Nguyễn Thị Khánh Huyền	CĐ hộ sinh	Hộ sinh	013243/NA-CCHN	14/12/2020	
6	Lê Thị Lộc	CĐ hộ sinh	Thực hiện nhiệm vụ Hộ sinh	001750/HT-CCHN	10/12/2018	
7	Trần Thị Huyền Trang	CĐ hộ sinh	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	013239/NA-CCHN	14/12/2020	
8	Lê Thị Hồng	CĐ hộ sinh	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	000433/BD-CCHN	09/09/2016	
9	Lê Thị Cẩm Nhung	CĐ hộ sinh	Hộ sinh CĐ	004616/HT-CCHN	20/10/2016	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
10	Phạm Thị Hoàng	CĐ hộ sinh	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	007178/BD-CCHN	17/05/2019	
11	Đặng Thị Việt	CN hộ sinh	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hộ sinh	047892/HCM-CCHN	26/02/2020	
12	Nguyễn Thị Diệu	CĐ hộ sinh	Thực hiện nhiệm vụ hộ sinh	005692/HT-CCHN	24/05/2019	
13	Võ Thị Hương	CĐ hộ sinh	Thực hiện nhiệm vụ Hộ sinh	000660/HT-CCHN	27/08/2018	

XXI. Hướng dẫn thực hành Điều dưỡng

1	Trương Thị Nga	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005211/HT-CCHN	11/01/2018	
2	Trần Ngọc Thái	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	006264/HT-CCHN	04/09/2020	
3	Nguyễn Thị Thành	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	000294/HT-CCHN	07/05/2018	
4	Lê Thị Nguyệt	CĐ điều dưỡng	Điều dưỡng	005627/HT-CCHN	09/05/2019	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
5	Nguyễn Thị Thắm	CĐ điều dưỡng	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT ngày 07/10/2016	006999/HT-CCHN	10/05/2021	
6	Trương Thị Nhật Hằng	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005020/HT-CCHN	31/08/2017	
7	Trương Thị Thảo	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ Điều dưỡng đại học	000274/HT-CCHN	07/05/2018	
8	Nguyễn Thị Duyên	CN điều dưỡng	Thực hiện theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005	0018442/HCM-CCHN	27/02/2014	
9	Đặng Thị Hằng	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	006580/HT-CCHN	25/06/2021	
10	Nguyễn Thị Thu Hoài	TC điều dưỡng	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Điều dưỡng	001327/KT-CCHN	27/09/2013	
11	Phan Thị Kim Oanh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	006256/HT-CCHN	11/08/2020	
12	Hà Thị Hạnh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005922/HT-CCHN	16/08/2019	
13	Đặng Quỳnh Trang	CĐ điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	013180/NA-CCHN	30/10/2020	
14	Nguyễn Thị Bích	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005175/HT-CCHN	08/12/2017	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
15	Nguyễn Thị Nga	CĐ điều dưỡng	Thực hiện theo Quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ Nội Vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	0003600/GL-CCHN	05/02/2015	
16	Trương Thị Trinh	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng đại học	005807/HT-CCHN	26/06/2019	
17	Trần Thị Hà Trang	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng đại học	000081/HT-CCHN	08/03/2021	
18	Phạm Thị Linh	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	007857/BD-CCHN	04/03/2020	
19	Nguyễn Thị Lĩnh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	006225/HT-CCHN	07/07/2020	
20	Nguyễn Thị Thu Hường	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng cao đẳng	0002884/HT-CCHN	06/09/2015	
21	Nguyễn Thị Thơm	CĐ điều dưỡng	Điều dưỡng viên	006623/BD-CCHN	14/05/2018	
22	Nguyễn Trọng Đức	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	0001247/HT-CCHN	31/12/2013	
23	Nguyễn Thị Hồng Thắm	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	000450/HT-CCHN	30/05/2018	
24	Ngô Thị Tam	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Cao đẳng	000447/HT-CCHN	30/05/2018	
25	Bùi Thị Hà	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung cấp	000477/HT-CCHN	27/06/2018	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
26	Trần Thị Duyên	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	000446/HT-CCHN	30/05/2018	
27	Trần Thị Lâm	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng đại học	006340/HT-CCHN	20/11/2020	
28	Nguyễn Thị Thùy Trang	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	006296/HT-CCHN	07/10/2020	
29	Phạm Nam Dân	CĐ điều dưỡng	Thực hiện y lệnh của Bác sĩ về điều dưỡng	001116/NA-CCHN	30/08/2013	
30	Nguyễn Thị Cẩm Anh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện theo thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV	005443/BD-CCHN	11/11/2016	
31	Nguyễn Thị Thuận An	CĐ điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn: theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	013237/NA-CCHN	14/12/2020	
32	Trương Thị Trang	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	004512/HT-CCHN	02/04/2019	
33	Nguyễn Thị Yến	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	006123/HT-CCHN	10/04/2020	
34	Phạm Thị Quỳnh Như	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005200/HT-CCHN	11/01/2018	
35	Nguyễn Thị Giang	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng đại học	005697/HT-CCHN	24/05/2019	
36	Phan Thị Hồng	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	000617/HT-CCHN	03/08/2018	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
37	Lê Thị Trang	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng đại học	006218/HT-CCHN	07/07/2020	
38	Nguyễn Thị Huệ	TC điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức y tế điều dưỡng	007647/HCM-CCHN	04/02/2013	
39	Lê Thị Nga	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005226/HT-CCHN	06/02/2018	
40	Phạm Thị Uẩn Phong	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung cấp	0000669/HT-CCHN	28/11/2013	
41	Nguyễn Thị Thanh Lịch	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	006191/HT-CCHN	08/06/2020	
42	Nguyễn Thị Mai Ngọc	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung học	0003038/HT-CCHN	14/10/2015	
43	Lê Thị Hải Yến	CĐ điều dưỡng	Điều dưỡng	007198/HT-CCHN	28/07/2019	
44	Dương Thị Hải	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005228/HT-CCHN	06/02/2018	
45	Nguyễn Thị Dung	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	000439/HT-CCHN	30/05/2018	
46	Lê Thị Miện	CĐ điều dưỡng	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	008496/BD-CCHN	26/02/2021	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
47	Nguyễn Thị Vinh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung cấp	0002334/HT-CCHN	25/03/2014	
48	Ngô Thị Trâm	CN điều dưỡng	Điều dưỡng	006241/HT-CCHN	04/08/2020	
49	Lê Thị Nhụy	CĐ điều dưỡng	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ Nội Vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức điều dưỡng	0005540/ĐNA-CCHN	07/09/2015	
50	Nguyễn Thị Thu Huyền	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005852/HT-CCHN	26/07/2019	
51	Trần Thị Huyền Trang	CĐ điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	012006/NA-CCHN	15/09/2019	
52	Phạm Thị Loan	CĐ điều dưỡng	Trung cấp Điều dưỡng	050647/HCM-CCHN	22/12/2020	
53	Trần Thị Huế	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng cao đẳng	0000861/HT-CCHN	19/11/2013	
54	Nguyễn Thị Lan Nhi	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng đại học	006240/HT-CCHN	04/08/2020	
55	Phan Văn Ngà	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	4699/BP-CCHN	28/07/2020	
56	Mai Thanh Long	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	013242/NA-CCHN	14/12/2020	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
57	Lê Thị Thanh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	004707/HT-CCHN	04/02/2019	
58	Đào Thị Mỹ	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	001917/HT-CCHN	26/12/2018	
59	Trần Thị Uyên	CĐ điều dưỡng	Điều dưỡng	005751/HT-CCHN	18/06/2019	
60	Võ Thị Hoài Linh	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng.	0130039/NA-CCHN	12/09/2020	
61	Trương Thị Nga	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005211/HT-CCHN	11/01/2018	
62	Đặng Thị Lan Hương	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng đại học	006242/HT-CCHN	04/08/2020	
63	Lê Thị Thu	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	000289/HT-CCHN	07/05/2018	
64	Bùi Khánh Linh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ Điều dưỡng	040119/HCM-CCHN	17/07/2017	
65	Nguyễn Thị Quế	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ Điều dưỡng	000552/HT-CCHN	08/03/2018	
66	Trần Thị Giang	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung học	0004363/HT-CCHN	19/05/2016	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
67	Nguyễn Thị Hương Thơm	CĐ điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	013419/NA-CCHN	18/03/2021	
68	Phan Thị Huế	CĐ điều dưỡng	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn điều dưỡng cao đẳng	009978/NA-CCHN	31/10/2017	
69	Nguyễn Thị Mỹ Bình	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	001453/BD-CCHN	24/12/2012	
70	Phan Thúy Hằng	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	0005539/DNA-CCHN	07/09/2015	
71	Trương Thị Thu Thủy	CĐ điều dưỡng	Điều dưỡng viên - Thực hiện theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015	018507/HNO-CCHN	08/08/2016	
72	Phạm Thị Quỳnh Nhung	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005813/HT-CCHN	26/06/2019	
73	Trần Thị Hà Nhi	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	000071/HT-CCHN	05/04/2018	
74	Trần Dinh Thùy	CĐ điều dưỡng	Thực hiện Y lệnh bác sĩ về điều dưỡng	001961/NA-CCHN	31/10/2013	
75	Hoàng Văn Lệ Hằng	CĐ điều dưỡng	Điều dưỡng	030538/CCHN-BQP	30/07/2015	
76	Bùi Thị Na	CĐ điều dưỡng	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn của điều dưỡng Cao đẳng	007415/NA-CCHN	31/12/2015	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
77	Nguyễn Thị Lộc	CĐ điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	048107/HCM-CCHN	25/03/2020	
78	Trần Thị Oanh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng cao đẳng	004599/HT-CCHN	28/09/2016	
79	Biện Thị Thủy	CĐ điều dưỡng	Điều dưỡng	000278/HT-CCHN	07/05/2018	
80	Phan Thị Thu Hoài	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng đại học	004949/HT-CCHN	17/07/2017	
81	Nguyễn Thị Kim Anh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005109/HT-CCHN	20/11/2017	
82	Đinh Thị Quỳnh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	004730/HT-CCHN	14/02/2017	
83	Trần Thị Thu Hiền	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung cấp	006433/HT-CCHN	25/02/2021	
84	Lê Thị Hà Trang	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005966/HT-CCHN	10/10/2019	
85	Trần Thị Vy	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005177/HT-CCHN	08/12/2017	
86	Nguyễn Thị Mai Anh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	006118/HT-CCHN	10/04/2020	
87	Đào Thị Oanh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	003270/BRVT-CCHN	13/07/2015	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
88	Lê Thị Thúy Nga	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	000988/HT-CCHN	30/10/2018	
89	Bùi Thị Mỹ Linh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005956/HT-CCHN	10/10/2019	
90	Trần Thị Hà	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	006101/HT-CCHN	18/03/2020	
91	Hồ Thị Nga	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng đại học	006150/HT-CCHN	12/05/2020	
92	Trần Thị Vân Anh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005963/HT-CCHN	10/10/2019	
93	Lê Thị Thu Mạnh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	0008117/ĐNAI-CCHN	07/05/2014	
94	Nguyễn Thị Hằng	CĐ điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của điều dưỡng	045728/HCM-CCHN	24/07/2019	
95	Nguyễn Thị Thảo	CĐ điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	006456/BD-CCHN	06/02/2018	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
96	Nguyễn Thị Thảo Linh	CĐ điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	006961/HT-CCHN	07/07/2022	
97	Trần Thị Như Hảo	TC điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005755/HT-CCHN	18/06/2019	
98	Nguyễn Phương Linh	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005997/HT-CCHN	18/11/2019	
99	Dương Thị Nhung	CĐ điều dưỡng	Điều dưỡng	000182/HT-CCHN	19/04/2018	
100	Hồ Thị Hà Trang	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	006355/HT-CCHN	20/11/2020	
101	Hoàng Thị Mai Phương	CN điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng đại học	004539/HT-CCHN	08/03/2021	
102	Chu Thị Khánh Hoàn	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	013238/NA-CCHN	14/12/2020	
103	Nguyễn Thị Hồng Thắm	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	005946/HT-CCHN	13/09/2019	
104	Nguyễn Thị Thùy	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	021355/HNO-CCHN	13/04/2017	
105	Nguyễn Thị Trang	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	013240/NA-CCHN	14/12/2020	
106	Nguyễn Thị Thu	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	001823/HT-CCHN	10/12/2018	
107	Bùi Quỳnh Thạch	CĐ điều dưỡng	Thực hiện kỹ thuật CM điều dưỡng Răng hàm mặt	007508/NA-CCHN	29/02/2016	

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Ghi chú
108	Bùi Thị Thu	CĐ điều dưỡng	Thực hiện nhiệm vụ Điều dưỡng Nha	002680/HT-CCHN	18/03/2019	



PHỤ LỤC II

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN
ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TTH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành Số 80/TTH-H/Hc của bệnh viện đa khoa TTH Hà Tĩnh ngày 18 tháng 06 năm 2014)

STT	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1	Bác sỹ chuyên khoa Nội	65
2	Bác sỹ chuyên khoa Ngoại	30
3	Bác sỹ chuyên khoa Sản	30
4	Bác sỹ chuyên khoa Nhi	20
5	Bác sỹ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	15
6	Bác sỹ chuyên khoa Gây mê hồi sức	5
7	Bác sỹ chuyên khoa RHM	10
8	Bác sỹ chuyên khoa TMH	10
9	Bác sỹ chuyên khoa Da liễu	5
10	Bác sỹ chuyên khoa Mắt	5
11	Bác sỹ YHCT	90
12	Bác sỹ Chuyên khoa PHCN	5
13	Bác sỹ Chuyên khoa CĐHA	5
14	Bác sỹ Chuyên khoa Vi sinh	5
15	Bác sỹ Chuyên khoa Ung bướu	10
16	Y sỹ YHCT	10
17	KTV PHCN	5
18	Kỹ thuật hình ảnh y học	25
19	Kỹ thuật xét nghiệm y học	45
20	Hộ sinh	65
21	Điều dưỡng	540
Tổng		1.000